

IDICO-IDI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2011

Đơn vị kế toán : Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO
Mã số thuế : 0302095576
Giấy ĐKKD : 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM
Địa chỉ : Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 37503042 Fax: 08 37502825

Danh mục báo cáo:

STT	Tên báo cáo	Mẫu số	Trang
1	Bảng cân đối kế toán	B 01a - DN	1-2
2	Báo cáo kết quả kinh doanh	B 02a - DN	3
3	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	B 03a - DN	4
4	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	B 09a - DN	5-17
5	Bảng cân đối số phát sinh các tài khoản		

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2011

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2011
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.360.259.215	43.173.422.069
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.786.634.386	3.871.551.651
1. Tiền	111	V.01	2.786.634.386	3.871.551.651
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	8.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.982.266.429	23.352.123.115
1. Phải thu của khách hàng	131		8.977.385.185	11.464.691.628
2. Trả trước cho người bán	132		8.751.596.203	6.814.260.035
5. Phải thu khác	135	V.03	13.637.687.651	5.457.574.062
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(384.402.610)	(384.402.610)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	751.097.138	4.530.003.103
1. Hàng tồn kho	141		751.097.138	4.530.003.103
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.840.261.262	3.419.744.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.780.769.579	3.360.252.517
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		488.061.401.628	588.811.120.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	0
II. Tài sản cố định	220		434.621.526.303	476.583.465.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	430.078.940.794	463.629.470.232
- Nguyên giá	222		787.253.464.532	779.339.378.606
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(357.174.523.738)	(315.709.908.374)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	442.899.477	356.411.117
- Nguyên giá	228		877.924.800	714.424.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(435.025.323)	(358.013.683)
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	V.11	4.099.686.032	12.597.584.489
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		41.413.553.120	112.227.654.820
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.930.773.120	17.930.773.120
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	23.482.780.000	108.757.715.500
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	(14.460.833.800)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.026.322.205	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	12.026.322.205	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		527.421.660.843	631.984.542.727

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

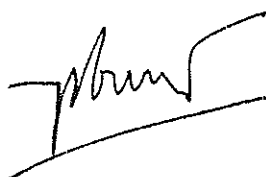
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2010
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		231.508.446.033	352.774.312.010
I. Nợ ngắn hạn	310		23.336.089.899	22.358.026.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	12.000.000.000	0
2. Phải trả người bán	312		2.733.630.335	6.017.840.891
3. Người mua trả tiền trước	313		0	-
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.419.907.719	1.826.759.232
5. Phải trả người lao động	315		1.465.407.167	1.667.210.909
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	5.378.852.023	12.846.214.999
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		338.292.655	0
II. Nợ dài hạn	330		208.172.356.134	330.416.285.979
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	0	64.288.240.880
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	208.200.000.000	266.033.571.399
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(27.643.866)	94.473.700
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		295.913.214.810	279.210.230.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	295.913.214.810	279.210.230.717
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.309.902.864	9.150.770
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.540.252.894	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.571.059.052	29.709.079.947
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		527.421.660.843	631.984.542.727

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2011	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		V.24	-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Người lập



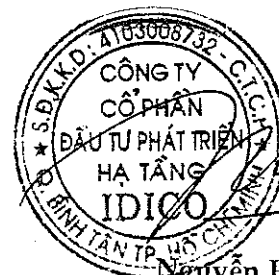
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc




Nguyễn Hồng Ninh

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P.Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM
Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6	7	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	42.900.800.069	39.493.104.544	124.871.843.643	124.473.966.539	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02						
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV(10=01-02)	10		42.900.800.069	39.493.104.544	124.871.843.643	124.473.966.539	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	19.783.589.091	14.115.190.661	52.065.338.007	49.230.605.948	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV(20=10-11)	20		23.117.210.978	25.377.913.883	72.806.505.636	75.243.360.591	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	1.545.108.373	1.830.777.323	4.115.516.301	6.185.730.745	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	(3.147.776.934)	10.878.064.462	15.666.924.190	33.047.978.461	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.620.164.166	10.878.064.462	27.434.865.290	33.047.978.461	
8. Chi phí bán hàng	24		5.071.454.210	4.481.319.812	15.236.517.787	12.426.314.541	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.778.027.947	2.253.583.403	10.138.975.739	5.730.015.104	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		19.960.614.128	9.595.723.529	35.879.604.221	30.224.783.230	
11. Thu nhập khác	31		-	250.000	37.430.245	3.111.219	
12. Chi phí khác	32		-	-	3.331.183	668.384	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	250.000	34.099.062	2.442.835	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.960.614.128	9.595.973.529	35.913.703.283	30.227.226.065	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	300.579.186	-	796.654.396	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.660.034.942	9.595.973.529	35.117.048.887	30.227.226.065	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	788	385	1.408	1.212	

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Người lập

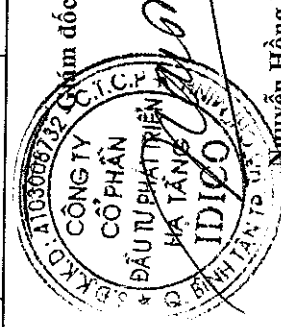
(Signature)

Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Văn Thọ



Nguyễn Hồng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và DT khác	01		139.791.598.077	142.059.309.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và DV	02		(25.939.962.516)	(16.483.347.119)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.401.730.595)	(11.001.721.978)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(24.493.390.290)	(33.047.978.461)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(496.075.210)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.644.902.413	13.495.932.059
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.602.669.023)	(31.473.327.675)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		46.502.672.856	63.548.865.826
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.130.133.623)	(73.720.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.910.000.000)	(7.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.910.000.000	6.150.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.229.622.301	4.179.778.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.099.488.678	3.106.058.178
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.000.000.000	11.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.833.571.399)	(73.372.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.853.507.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.687.078.799)	(62.372.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.084.917.265)	4.282.924.004
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.871.551.651	3.569.134.959
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	2.786.634.386	7.852.058.963

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Người lập



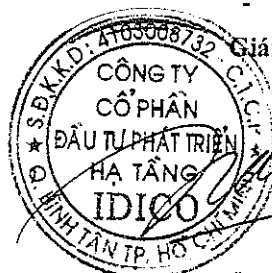
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc




Nguyễn Hồng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc tại quyết định số 389/QĐ-HĐIV3 ngày 19/09/2007 của Hội đồng thành viên Công ty, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0302095576 (Số cũ: 4103008732), đăng ký lần đầu ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/09/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249.492.000 000 đồng

Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc là Công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTIN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT) số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, đoạn An Suong - An Lạc thuộc địa phận Tp. Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 1 số 05/GPĐC1 - ĐTIN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh lần 2 số 05/GPĐC2 - ĐTIN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 30/06/2011:

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nghiệp	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	32,5%

2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302095576 ngày 28/09/2011 (thay đổi lần 5) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Thu gom rác không độc hại

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo giấy phép đầu tư số 05/GP-ĐTIN ngày 08/09/2000 và hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 trong thời gian 145 tháng từ kể từ tháng 1 năm 2005, thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán từ 01/07/2011 đến 30/09/2011.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi:

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<i>Số năm khấu hao</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An sương - An lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo văn bản số 390/BTC-ICDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm.

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý 3 năm 2011**

(Tiếp theo)

6 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác...

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc từ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài Chính

8 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu:

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé “Cước đường bộ” lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu xây lắp và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về khối lượng hoàn thành và tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

13 Các bên liên quan:

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền	30/09/2011	01/01/2011
Tiền mặt	1.629.751.265	1.709.616.388
Tiền gửi ngân hàng	1.156.883.121	2.161.935.263
Cộng	2.786.634.386	3.871.551.651
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/09/2011	01/01/2011
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	-	8.000.000.000
Cộng	-	8.000.000.000
3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2011	01/01/2011
IDICO-URBIZ	-	1.677.341.315
IDICO-COMATRA	-	663.373.996
IDICO-CONAC	539.864.092	2.286.308.092
IDICO	12.180.497.920	-
Các đối tượng khác	917.325.639	830.550.659
Cộng	13.637.687.651	5.457.574.062

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

4	Hàng tồn kho	30/09/2011	01/01/2011
	Nguyên liệu, vật liệu	117.375.146	208.483.338
	Công cụ, dụng cụ	56.946.788	15.178.160
	Chi phí sản xuất dở dang	576.775.204	4.306.341.605
	Cộng	751.097.138	4.530.003.103
	(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang gồm:	576.775.204	4.306.341.605
	Trụ sở làm việc HDND Tỉnh Hậu Giang	-	1.810.887.689
	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc Tỉnh Hậu Giang	-	383.134.631
	Trường PTTH Chiêm Thành Tấn	-	2.112.319.285
	Dãi phân cách	576.025.204	-
	Trường PTTH Vĩnh Viễn tỉnh Hậu Giang	750.000	-
5	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	30/09/2011	01/01/2011
	Thuế xuất nhập khẩu được miễn	59.491.683	59.491.683
	Thuế khác	-	-
	Cộng	59.491.683	59.491.683

8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu quý	770.938.892.383	6.681.028.203	1.478.881.600	416.791.718	779.515.593.904
- Mua trong quý	-	174.754.818	-	-	174.754.818
-ĐT XDCB hoàn thành	7.563.115.810	-	-	-	7.563.115.810
- giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	778.502.008.193	6.855.783.021	1.478.881.600	416.791.718	787.253.464.532
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu quý	338.012.066.632	3.903.021.270	1.096.659.171	340.023.750	343.351.770.823
- Khấu hao trong quý	13.549.634.845	231.560.476	29.835.777	11.721.817	13.822.752.915
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	351.561.701.477	4.134.581.746	1.126.494.948	351.745.567	357.174.523.738
Giá trị còn lại					
Số dư đầu quý	432.926.825.751	2.778.006.933	382.222.429	76.767.968	436.163.823.081
Số dư cuối quý	426.940.306.716	2.721.201.275	352.386.652	65.046.151	430.078.940.794

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

386.087.369

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu quý	-	-	-	714.424.800	714.424.800
- Mua trong quý	-	-	-	163.500.000	163.500.000
- DT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	-	-	-	877.924.800	877.924.800
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu quý	-	-	-	408.057.157	408.057.157
- Khấu hao trong quý	-	-	-	26.968.166	26.968.166
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối quý	-	-	-	435.025.323	435.025.323
Giá trị còn lại					
Số dư đầu quý	-	-	-	306.367.643	306.367.643
Số dư cuối quý	-	-	-	442.899.477	442.899.477

11	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2011	01/01/2011
	Dự án cải tạo quốc lộ 1A đoạn An Sương An Lạc	-	7.563.115.810
	Dự án đường song hành Hà Huy Giáp, Q12	2.413.742.850	2.128.343.039
	Dự án Đầu tư bổ sung một số hạng mục giao thông trên tuyến QL1A	1.573.582.464	557.915.774
	Các dự án khác	94.178.900	89.345.900
	Sửa chữa lớn TSCĐ	18.181.818	2.258.863.966
	Cộng	4.099.686.032	12.597.584.489

13	Đầu tư dài hạn khác	30/09/2011	01/01/2011
	Đầu tư cổ phiếu	23.482.780.000	108.757.715.500
	+ Cty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO		
	Số lượng cổ phần SHP	-	2.992.103
	Giá trị đầu tư	-	85.274.935.500
	+ Cty CP XNK Sản xuất gia công và bao bì		
	Số lượng cổ phần PACKSIMEX	1.476.490	1.476.490
	Giá trị đầu tư	23.482.780.000	23.482.780.000
	Cộng	23.482.780.000	108.757.715.500
	Dự phòng giảm giá chứng khoán SHP	-	(14.460.833.800)

(*) Trong tháng 9/2011, Công ty đã chuyển lại toàn bộ số cổ phần Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO cho Tổng Công ty IDICO với giá trị bằng với giá trị đã ghi nhận đầu tư

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Địa chỉ: Km 1906+700 QL1A, KP5, P Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TP.HCM

Mã số thuế: 0302095576

Mẫu số B09a- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BIC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý 3 năm 2011***(Tiếp theo)*

14	Chi phí trả trước dài hạn	30/09/2011	01/01/2011
	Trung tu Tuyến QL1A đoạn An Sương An Lạc (phân bổ 5 năm từ tháng 7/2011)	12.026.322.205	-
	Cộng	12.026.322.205	-
15	Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2011	01/01/2011
	Vay ngắn hạn (Tổng Công ty IDICO, lãi suất 14%/ năm)	12.000.000.000	-
	Cộng	12.000.000.000	-
16	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/09/2011	01/01/2011
	Thuế GIGI	1.088.779.320	1.816.200.380
	Thuế INCN	30.549.213	10.558.852
	Thuế INDN	300.579.186	-
	Cộng	1.419.907.719	1.826.759.232
18	Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/09/2011	01/01/2011
	Kinh phí công đoàn	61.210.419	59.230.997
	Bảo hiểm xã hội	20.495.768	-
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	185.573.000	-
	Cổ tức năm 2010	866.127.000	8.628.397.918
	Chi phí bồi thường GPMB dự án BOTASAL	4.122.306.000	4.122.306.000
	Phải trả phải nộp khác ngắn hạn khác	123.139.836	28.167.846
	Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.112.238
	Cộng phải trả phải nộp ngắn hạn	5.378.852.023	12.846.214.999
	Phải trả dài hạn IDICO	-	64.288.240.880
	Tổng cộng phải trả phải nộp khác	5.378.852.023	77.134.455.879
20	Vay và nợ dài hạn	30/09/2011	01/01/2011
	Vay dài hạn ngân hàng	208.200.000.000	266.033.571.399
	Cộng	208.200.000.000	266.033.571.399

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2010	249.492.000.000	-	9.150.770	8.796.334.925	258.297.485.695
Tăng trong kỳ trước	-	-	-	30.227.226.065	30.227.226.065
Lãi				30.227.226.065	30.227.226.065
Tăng khác				-	-
Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2010	249.492.000.000	-	9.150.770	39.023.560.990	288.524.711.760
Số dư 01/01/2011	249.492.000.000	-	9.150.770	29.709.079.947	279.210.230.717
Tăng trong kỳ	-	2.540.252.894	8.300.752.094	35.117.048.887	45.958.053.875
Lãi				35.117.048.887	35.117.048.887
Phân phối LN		2.540.252.894	8.300.752.094		10.841.004.988
Giảm trong kỳ	-	-	-	29.255.069.782	29.255.069.782
Chia cổ tức	-	-	-	17.464.440.000	17.464.440.000
Trích các quỹ	-	-	-	11.790.629.782	11.790.629.782
Số dư 30/09/2011	249.492.000.000	2.540.252.894	8.309.902.864	35.571.059.052	295.913.214.810

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/09/2011	01/01/2011
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông	249.492.000.000	249.492.000.000
Cộng	249.492.000.000	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận	30/09/2011	01/01/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
<i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
<i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ tức	30/09/2011	01/01/2011
-----------	------------	------------

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

	30/09/2011	01/01/2011
e. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.949.200	24.949.200
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu thường</i>	24.949.200	24.949.200
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10.000	10.000
f. Các quỹ của DN	30/09/2011	01/01/2011
Quỹ đầu tư phát triển	8.309.902.864	9.150.770
Quỹ dự phòng tài chính	2.540.252.894	-
Cộng	10.850.155.758	9.150.770

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

	Quý 3 năm 2011	Quý 3 năm 2010
25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	38.503.245.458	39.493.104.544
Doanh thu xây lắp	4.397.554.611	-
Cộng	42.900.800.069	39.493.104.544
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	Quý 3 năm 2011	Quý 3 năm 2010
Doanh thu cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	38.503.245.458	39.493.104.544
Doanh thu xây lắp	4.397.554.611	-
Cộng	42.900.800.069	39.493.104.544
26 Giá vốn hàng bán	Quý 3 năm 2011	Quý 3 năm 2010
Giá vốn cung cấp dịch vụ (doanh thu thu cước đường bộ)	15.598.777.675	14.115.190.661
Giá vốn xây lắp	4.184.811.416	-
Cộng	19.783.589.091	14.115.190.661

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

	Quý 3 năm 2011	Quý 3 năm 2010
27 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.618.373	1.830.777.323
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.476.490.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	1.545.108.373	1.830.777.323
28 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	8.620.164.166	10.878.064.462
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(14.460.833.800)	-
Chi phí tài chính khác	2.692.892.700	-
Cộng	(3.147.776.934)	10.878.064.462
<p>(*) Trong tháng 9/2011, Công ty đã chuyển lại toàn bộ số cổ phần Công ty CP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO cho Tổng Công ty IDICO với giá trị bằng với giá trị đã ghi nhận đầu tư, do đó, Công ty đã hoàn nhập 14.460.833.800 đồng dự phòng giảm giá cho cổ phiếu này. Vì vậy, chi phí tài chính trong kỳ giảm tương ứng và làm cho lợi nhuận quý 3 năm 2011 tăng cao hơn 105% so với lợi nhuận quý 3 năm 2010</p>		
29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí Thuế INDN trong kỳ	300.579.186	-
30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.660.034.942	9.595.973.529
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	19.660.034.942	9.595.973.529
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	788	385
31 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.455.526	6.650.505.295
Chi phí nhân công	5.316.007.279	6.500.838.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.849.721.081	14.198.970.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	944.434.255	1.381.793.918
Chi phí khác bằng tiền	7.419.526.751	875.496.155
Tổng cộng	27.936.144.892	29.607.604.364

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2011

(Tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan (*)	Số dư đầu kỳ (01/01/2011)	Phát sinh nợ (01/01->30/09)	Phát sinh có (01/01->30/09)	Số dư cuối kỳ (30/09/2011)	SL sở hữu cổ phần IDICO-IDI
IDICO	(Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam)				8.732.220 cổ phần
Phải thu	10.758.224.188	10.256.097.997	12.401.836.000	8.612.486.185	
Phải trả vay ngắn hạn	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	
Phải trả khác	64.288.240.880	85.274.935.500	8.806.196.700	(12.180.497.920)	
CIENCO6	(Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6)				3.118.650 cổ phần
Phải thu					
Phải trả	2.494.920.000	4.677.975.000	2.183.055.000	-	
IDICO-CONAC	(Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO)				2.494.920 cổ phần
Phải thu	2.286.308.092	1.746.444.000	3.492.888.000	539.864.092	
Phải trả					
IDICO-UDICO	(Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO)				2.494.920 cổ phần
Phải thu	-	-	-	-	
Phải trả	1.995.936.000	3.742.380.000	1.746.444.000	-	
IDICO-URBIZ	(Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO)				2.494.920 cổ phần
Phải thu	1.677.341.315	-	1.677.341.315	-	
Phải trả					
IDICO-COMAFRA	(Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO)				623.730 cổ phần
Phải thu	663.373.996	-	663.373.996	-	
Phải trả					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **Quý 3 năm 2011**

(Tiếp theo)

2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010, báo cáo tài chính quý 3 năm 2010, báo cáo tài chính quý 1, quý 2 năm 2011

3 Thông tin về hoạt động liên tục

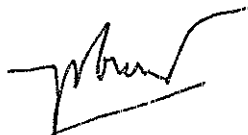
Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn hoạt động bình thường, không có dấu hiệu ngừng trệ kinh doanh

4 Những thông tin khác

Trong báo cáo tài chính, có những chỉ tiêu không có thông tin hoặc không có liên quan đến đơn vị theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính Công ty không trình bày và vẫn giữ nguyên số thứ tự theo quy định

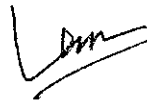
Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2011

Người lập



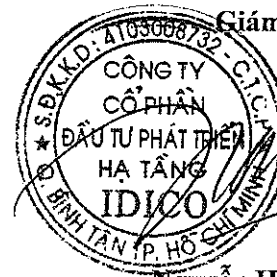
Nguyễn Trường Vũ

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thọ

Giám đốc



Nguyễn Hồng Ninh